

Số: 159 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2024

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động**  
**tại Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội**

Thực hiện Quyết định số 242/QĐ-TTr ngày 19/6/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 03/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: B18, đường Công nghiệp 06, khu công nghiệp Sài Đồng B, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108090231 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/12/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23/9/2022.

- Đơn vị sở hữu: Công ty Cổ phần Bibica.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất bánh kẹo.

- Điện thoại giao dịch: 0243. 8754109.

- Số tài khoản 1043668899 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Tổng số chi nhánh/đơn vị hạch toán phụ thuộc: không.

- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 109 người.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**1. Các loại báo cáo định kỳ**

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương, tuy nhiên, doanh nghiệp cáo báo không đúng mẫu quy định tại Phụ lục 1 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.



## **2. Tuyển dụng và đào tạo lao động**

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động để làm việc cho doanh nghiệp.
- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 02 người.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Đã ký hợp đồng tập nghề với 01 người để làm việc cho doanh nghiệp, thỏa thuận tập nghề không quá 03 tháng.

## **3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động**

### **a. Giao kết hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm ngày 30/6/2024)**

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 0 người.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 109 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 109 người, trong đó:
  - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 102 người;
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 07 người.
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng: 0 người.
  - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
  - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Kiểm tra 04 hợp đồng lao động đã giao kết với 04 người lao động (Trần Nhật Bình, Vương Quốc Cường, Lê Mạnh Quân, Trần Thị Nương) mục địa điểm làm việc ghi “trong trường hợp theo yêu cầu của công việc hoặc theo sự điều động của người sử dụng lao động thì người lao động phải đi làm việc tại một số nơi ngoài địa điểm nêu trên”.

### **b. Chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc trong thời kỳ thanh tra**

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc: 03 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 03 người lao động đủ điều kiện được hưởng với tổng số tiền 18.033.448 đồng.

## **4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (sau đây viết tắt là TULĐTT)**

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc.

- Việc thương lượng tập thể, ký kết TULĐTT: không phát sinh.

- Việc thực hiện các nội dung TULĐTT đã ký kết: không phát sinh.



- Việc gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương: không phát sinh.

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 2209/QĐ – 2022 ngày 19/09/2022 của Tổng giám đốc doanh nghiệp.

### **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.680.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 5.078.096 đồng/tháng, thu nhập cao nhất của người lao động: 39.166.813 đồng/tháng.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng) đối với bộ phận hành chính và sản phẩm đối với bộ phận sản xuất .

- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản mở tại ngân hàng. Doanh nghiệp trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm tại văn phòng doanh nghiệp: kiểm tra bảng thanh toán tiền lương tháng 1/2024, doanh nghiệp đã trả tiền lương làm thêm giờ cho người lao động bằng 150% vào ngày thường, ngày nghỉ cuối tuần bằng 200%; không phát sinh tiền lương làm việc vào ban đêm.

- Đã trả lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không.

- Đã tổ chức cho người lao động ăn ca với mức 25.000 đồng/suất.

### **6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi: không quá 08 giờ/ngày, không quá 48 giờ/tuần đối với bộ phận văn phòng; 08 giờ/ca đối với bộ phận sản xuất.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định trong tháng (kiểm tra bảng chấm công tháng 1/2024: bà Nguyễn Thị Hồng làm thêm 34,8 giờ/tháng là người có số giờ làm thêm cao nhất).

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng đúng quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên); số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không phát sinh.

### **7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.



- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: 0 vụ.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

## **8. Lao động đặc thù**

### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Tổng số lao động nữ: 67 người.

- Các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không sử dụng.

+ Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động: không.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động cao tuổi.

## **9. Khiếu nại và tranh chấp lao động**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm theo quy định. Tuy nhiên, kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động chưa đủ các nội dung theo quy định (thiếu nội dung thông tin, tuyên truyền và cấp phương tiện bảo vệ cá nhân).



- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 09 người, nhưng chưa thỏa thuận với ban chấp hành công đoàn cơ sở phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên.

- Số người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động: 08 người bán chuyên trách theo Quyết định số 02/QĐ – ATVSLĐ/HN ngày 01/01/2023 của Tổng giám đốc.

- Đã bố trí 01 người làm công tác y tế (bà Hoàng Thị Tuyền có trình độ cao đẳng điều dưỡng).

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 12 máy, thiết bị (03 nồi hơi, 05 thiết bị chịu áp lực, 01 pa lăng xích kéo tay, 02 tời nâng hàng, 01 sàn nâng hàng) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn hạn sử dụng.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động và lập sổ theo dõi theo quy định.

- Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập sổ trang cấp, theo dõi; tuy nhiên chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động; kết quả quan trắc 134 mẫu đo năm 2023 và 152 mẫu đo năm 2024 không có mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh. Doanh nghiệp cấp một số thực phẩm bổ sung (bánh mì, bánh ngọt...) cho người lao động trong ca làm việc.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không để xảy ra tai nạn lao động.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động (tủ thuốc, túi sơ cấp cứu).

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định (năm 2023 đã khám 118 người lao động, năm 2024 đã khám 112 người lao động); lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

### **11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 109 người.

+ Số người đã tham gia: 109 người (trong đó có 02 lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ thai sản).

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT: 0 người.

- Số tiền chậm đóng tại thời điểm ngày 30/6/2024: 0 đồng.



### III. KẾT LUẬN

#### 1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 03 lao động đủ điều kiện hưởng, số tiền 18.033.448 đồng.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.7. Thỏa ước lao động tập thể đã ký kết và gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

1.8. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.9. Doanh nghiệp trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng; trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng, người sử dụng lao động trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.11. Đã tổ chức bữa ăn ca cho người lao động với mức 25.000 đồng/suất.

1.12. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.13. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

1.14. Trong kỳ thanh tra, không phát sinh việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, bồi thường trách nhiệm vật chất.

1.15. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.16. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.17. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.18. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, công tác y tế.

1.19. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với 12 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

1.20. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.21. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.22. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.





1.23. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.24. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.25. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.26. Đã trích đóng đầy đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN cho cơ quan BHXH.

## **2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Báo cáo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng và cả năm không đúng theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.2. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục địa điểm làm việc ghi “trong trường hợp theo yêu cầu của công việc hoặc theo sự điều động của người sử dụng lao động thì người lao động phải đi làm việc tại một số nơi ngoài địa điểm nêu trên” là không đúng quy định tại Điều 29 Bộ luật Lao động.

2.3. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.5. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động chưa đủ các nội dung theo quy định (thiếu nội dung thông tin, tuyên truyền và cấp phương tiện bảo vệ cá nhân) tại khoản 3 Điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động.

2.6. Chưa thỏa thuận với ban chấp hành công đoàn cơ sở phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.7. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Không.

## **V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC**

Không.

## VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra khi có phát sinh

2. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.4, 2.5, 2.6, 2.7 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/8/2024./.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Thị Hồng Diệp**